

Số: 73/2018/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 16 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 157, Điều 165, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 303/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà K.T.S.V, sinh năm 1946 ;

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Bà K.T.C sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông T.R, sinh năm 1948 (thành viên hộ bà S.V);

2/ Anh T.T.C, sinh năm 1984 (thành viên hộ bà S.V);

Đại diện hợp pháp cho anh T.T.C là ông T.R.

3/ Ông D.S.R, sinh năm 1957 (thành viên hộ bà K.T.C);

4/ Chị D.T.C.T, sinh năm 1988 (thành viên hộ bà K.T.C);

5/ Anh K.V.Đ, sinh năm 1985 (thành viên hộ bà K.T.C);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã ĐL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện hợp pháp cho bà D.T.C.T, K.V.Đ là bà K.T.C.

6/ Ngân hàng NN– Chi nhánh Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (có đơn từ chối tham gia tố tụng).

Địa chỉ: Số 360, đường 2/9, khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà K.T.C và các thành viên trong hộ bà K.T.C có trách nhiệm giao trả diện tích 2.890m² (thực đo 2.943m²) thuộc thửa 1379 có tổng diện tích là 4.620m², loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 5 (do bà K.T.S.V đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tọa lạc tại Ấp T, xã ĐL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cho bà K.T.S.V và các thành viên trong hộ bà K.T.S.V. Diện tích 2.943m² này có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 1381 kích thước 64,1m

+ Hướng Tây giáp thửa 1379 kích thước 64,39m

+ Hướng Nam giáp thửa 1380 kích thước 1,86m; 46,21m

+ Hướng Bắc giáp thửa 1378 kích thước 43,10m.

(Có kèm sơ đồ khu đất)

- Bà K.T.S.V và các thành viên trong hộ bà K.T.S.V có trách nhiệm hoàn trả cho bà K.T.C và các thành viên trong hộ bà K.T.C số tiền là 72.250.000 đồng.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp là 2.287.000 đồng. Bà K.T.S.V và các thành viên trong hộ bà K.T.S.V tự nguyện chịu 1.143.500 đồng. Do hộ bà K.T.S.V đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là 3.000.000 đồng xong nên hộ bà K.T.S.V không phải nộp nữa. Bà K.T.S.V liên hệ với Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền chi phí thẩm định, định giá còn thừa là 713.000 đồng. Bà K.T.C và các thành viên trong hộ bà K.T.C tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá là 1.143.500 đồng, số tiền này sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu để giao trả cho hộ bà K.T.S.V.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đều là dân tộc Khmer đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được Tòa án chấp nhận. Do đó miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà K.T.C và

các thành viên trong hộ bà K.T.C; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà K.T.S.V và các thành viên trong hộ bà K.T.S.V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Kim Thị Ngọc Thu